

THỰC TIỄN & KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

# Được và mất trong việc tạo lập các liên minh tiền tệ

BÙI SỸ HÙNG

Học viện Ngân hàng

*Sự phát triển của thế giới trong hơn 150 năm vừa qua được xác định bởi mối tương quan của 2 xu hướng luôn liên quan và trái ngược lẫn nhau, đó là xu hướng toàn cầu hóa và xu hướng liên kết theo khu vực. Cả hai xu hướng này đều là hậu quả của quá trình quốc tế hóa, nhưng do có những điểm khác biệt mà các xu hướng đó nhiều khi trở thành đối đầu với nhau. Trong điều kiện như vậy, mức độ sẵn sàng của các quốc gia trong việc mở cửa nền kinh tế và cạnh tranh trên thị trường thế giới đã đóng vai trò vô cùng quan trọng. Bài viết tập trung xem xét xu hướng hội nhập tiền tệ, mà về lý thuyết, đó là giai đoạn cuối của việc hội nhập các nền kinh tế thế giới.*





**1. Xu hướng hội nhập của các quốc gia**

**Q**uá trình hội nhập có bước phát triển ban đầu chỉ với một số khu vực, đến nay đã bao trùm hầu như toàn bộ các quốc gia trên thế giới. Người ta bắt đầu thấy sự gia tăng đột ngột các dạng liên kết hội nhập từ đầu những năm 80 của thế kỷ 20. Vào năm 1995, theo thống kê, có tất cả 23 nhóm kinh tế khu vực, nhưng đến năm 2000, con số đó đã là 82 và đến năm 2010 đã lên đến 148. Sự tăng trưởng nhanh chóng số lượng các khu vực hội nhập, liên kết kinh tế là hệ quả của ý tưởng tự do hóa nền kinh tế đã được phổ biến rộng rãi, cũng như việc mong muốn mở cửa nền kinh tế, của quá trình tin học hóa và liên kết giữa các quốc gia thông qua mạng internet, việc tạo một cơ sở hạ tầng giao thông giá rẻ và tăng cường vai trò của các công ty đa quốc gia trong phân công lao động quốc tế.

Quá trình liên kết khu vực là một quá trình hết sức phức

tạp, đầy mâu thuẫn, được đặc trưng bởi việc “sáp nhập các thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường vốn và sức lao động của các quốc gia”, cũng như bởi việc hình thành một khoảng không gian thị trường, một hệ thống tài chính- tiền tệ, các thể chế pháp lý thống nhất và có sự phối hợp chặt chẽ hơn về chính sách kinh tế đối nội cũng như đối ngoại của các nước tham gia liên kết. Mặt khác, quá trình liên kết khu vực còn có những điểm khác biệt sau:

1. Có sự thâm nhập và tương tác lẫn nhau của các quá trình sản xuất, hình thành một khu vực sản xuất- công nghệ thống nhất trong khuôn khổ vùng liên kết;
2. Có sự phát triển rộng lớn và mạnh mẽ về mức độ hợp tác và chuyên môn hóa trong sản xuất, khoa học và công nghệ; có sự liên kết trong đầu tư phát triển kinh tế và hỗ trợ cho các quá trình sáng tạo, đổi mới;
3. Có sự định hướng quản lý các quá trình hợp tác, liên kết.

Quá trình liên kết, hội nhập bao trùm một số khâu trong cơ cấu kinh tế, và bởi vậy, đa phần sẽ có sự phát triển không đồng đều. Nguyên nhân là do có sự khác biệt về năng lực của từng khâu riêng biệt của bộ máy kinh tế trong việc kết nối tới quá trình hội nhập và liên kết, cũng như phân công công việc phụ thuộc vào mức độ công nghiệp hóa các vùng, các địa phương của các nước tham gia vào quá trình này. Ở những nước phát triển hơn sẽ

có sự hội nhập mạnh hơn trong lĩnh vực lưu thông thị trường, kể cả việc lưu thông hàng hóa và dịch vụ, ngoại tệ, giấy tờ có giá. Việc liên kết trong lĩnh vực sản xuất sẽ phức tạp hơn nhiều. Ở những nước đang phát triển, một thành phần khác thuộc lĩnh vực tái sản xuất xã hội- một bộ phận cấu thành không thể tách rời trong giai đoạn hợp tác hiện nay- là lĩnh vực xây dựng và thông qua các quyết sách thuộc các cấp độ khác nhau (các hiệp hội doanh nghiệp, các chính phủ, các tổ chức quốc tế...) luôn có sự hợp tác, hội nhập sôi động, tuy nhiên không phải lúc nào cũng tỏ ra có hiệu quả. Chính phủ các nước này luôn mong muốn tạo được các điều kiện để phát triển khả năng cạnh tranh của các hàng hóa nội địa trên thị trường quốc tế nhờ vào quá trình hợp tác và hội nhập. Nhìn chung, khả năng nhận thức và cơ sở kinh tế sẽ quyết định hiệu quả của những sáng kiến hội nhập.

Sự hội nhập và hợp tác kinh tế tại các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển là một thể thống nhất có tính hữu cơ của 2 dạng thức hội nhập: Hội nhập của các doanh nghiệp tư nhân và hội nhập liên quốc gia. Phụ thuộc vào đặc điểm của từng khu vực mà sự kết hợp giữa 2 dạng thức hội nhập này sẽ quy định sự hiện diện của các tổ chức hợp tác khác nhau. Ví dụ như khối Châu Âu, sự hội nhập ở khu vực này có thể thấy nhiều trong lĩnh vực chính trị- pháp lý, ở các thể

**C**hính phủ của các nước luôn mong muốn tạo được các điều kiện để phát triển khả năng cạnh tranh của các hàng hóa nội địa trên thị trường quốc tế nhờ vào quá trình hợp tác và hội nhập. Tuy nhiên, kết quả lại phụ thuộc vào khả năng nhận thức và cơ sở kinh tế của những sáng kiến hội nhập.



chế quản lý điều hành với các mức độ khác nhau. Còn ở khu vực Bắc Mỹ, sự hợp tác này trong thời gian dài đã không hình thành một cách rõ nét, nhưng động lực chính của việc hội nhập chính là các công ty đa quốc gia và nhiều cơ cấu sản xuất- kinh doanh khác.

Mối tương quan và sự phát triển hội nhập của các tập đoàn tư nhân và giữa các quốc gia phần nhiều phụ thuộc vào yếu tố và lợi ích về mặt địa lý-chính trị, cũng như các tiềm năng về thiên nhiên. Điều này càng thấy rõ khi phân tích các quá trình hợp tác- hội nhập ở các nước đang phát triển: Sự hợp tác và hội nhập mạnh lên hay yếu đi phụ thuộc nhiều vào các quyết định mang tính chất chính trị của các nước trong khu vực thực hiện.

Mặc dù không có sự đồng nhất và đặc thù của các quá trình hợp tác, hội nhập, nhưng trên cơ sở kinh nghiệm của các tổ chức kinh tế, thương mại hiện đang tồn tại, có thể nhận thấy sự hiện diện của một số quy luật chung trong sự phát triển của quá trình hợp tác, hội nhập, cũng như những giai đoạn phát triển phải trải qua của quá trình đó:

1. Khu vực tự do thương mại (Free Trade Zone): Các nước tham gia khu vực cùng thỏa thuận xóa bỏ hàng rào thuế quan và hạn ngạch, nhưng được tự do thực hiện chính sách ngoại thương với nước thứ ba. Hình thức này được thực hiện trong các khối AFTA, NAFTA, ASEAN...

2. Liên minh thuế quan (Custom Union): Đặc điểm của hình thức hợp tác, hội nhập này là việc loại bỏ thuế quan và hạn ngạch giữa các quốc gia tham gia vào liên minh cũng như việc cùng thực thi một chính sách ngoại thương và phương thức điều hành hoạt động thuế quan chung trong biên giới của các quốc gia này. Ví dụ cho hình thức hợp tác, hội nhập này là Mercosur (Hiệp định tự do thương mại- thành lập năm 1961, bao gồm Brasil, Argentina, Uruguay, Paraguay. Đến tháng 6/2006, Mercosur kết nạp thêm Venezuela, Bolivia, Chile, Colombia, Ecuador và Peru hiện là các thành viên liên kết của Mercosur) và EEC (Cộng đồng kinh tế chung châu Âu).

3. Thị trường chung (Common Market): Ngoài việc liên minh về thuế quan, các quốc gia tham gia Thị trường chung còn phải gỡ bỏ mọi rào cản và tạo sự tự do di chuyển các yếu tố sản xuất trong khuôn khổ liên kết.

4. Liên minh kinh tế (Economic Union): Ở đây, ngoài những yếu tố đã nêu ở trên, các quốc gia tham gia liên minh kinh tế sẽ phải có sự thống nhất thực hiện một chính sách kinh tế chung.

5. Liên minh tiền tệ (Monetary Union): Được hiểu là sự hình thành một hệ thống tiền tệ chung, bao gồm cả việc thành lập một ngân hàng, một đồng tiền chung và cùng thực thi một chính sách tiền tệ- tín dụng và chính sách ngoại hối

chung.

Sau khi đã trải qua tất cả các giai đoạn nêu trên, quá trình liên kết, hội nhập sẽ thúc đẩy hình thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, thực tế sẽ là một nhà nước chung với việc thực hiện một chính sách kinh tế chung duy nhất trên cơ sở thống nhất về mặt luật pháp.

## **2. Được và mất trong quá trình tạo lập các liên minh tiền tệ**

Việc hình thành liên minh tiền tệ như là giai đoạn cuối cùng của việc liên kết và hội nhập khu vực. Ở đây cũng cần chú ý rằng, hiện có khá nhiều khái niệm mà đôi khi lại được sử dụng chưa chuẩn xác, vì được xem như là những từ đồng nghĩa. Hiện nay, trong một số tài liệu kinh tế đôi khi người ta có sự lẫn lộn giữa “liên minh tiền tệ” (currency union) với “khu vực tiền tệ” (currency area). Khu vực tiền tệ là “một tập hợp những ngoại tệ nhất định có thể tự do di chuyển, hoặc là một khu vực lãnh thổ cùng thực thi một chính sách tiền tệ chung duy nhất”. Ví dụ: Khu vực đồng đôla được hình thành do sự bành trướng rộng rãi có định hướng của đồng đôla Mỹ với mục đích tạo ra vị trí độc tôn và thu lợi từ việc xuất khẩu đồng tiền ra khỏi biên giới. Trong trường hợp, nếu như có một chính sách tiền tệ thống nhất, hiện tượng đó tất nhiên có thể được xem như là một phần của quá trình hội nhập, nhưng phần lớn hiện tượng này cần được hiểu như là khu vực ảnh hưởng của



đồng tiền (khu vực thống trị của đồng tiền).

Cũng cần phân biệt khái niệm “liên minh tiền tệ” (currency union) với khái niệm “nhóm đồng tiền” (currency group). “Nhóm đồng tiền”, khác với “liên minh tiền tệ” ở chỗ, tại đây không có sự phát hành một đồng tiền mới, nhưng thực hiện một tỷ giá hối đoái cố định được bảo đảm nhờ sự tương tác của các cơ quan quản lý tài chính- tiền tệ các quốc gia tham gia trong nhóm.

Ở giai đoạn khi một quốc gia tham gia vào liên minh tiền tệ- được xem như là một phần của sự hội nhập- lúc này, vấn đề cơ bản là phải đảm bảo việc tự do hóa dòng luân chuyển vốn, kể cả nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào, có các biện pháp nhằm tăng cường tính ổn định của nền kinh tế, hạ thấp chỉ số lạm phát. Tất cả những điều này đều có chung mục đích để kết nối đồng nội tệ và hệ thống tiền tệ chung thống nhất, đảm bảo cho khả năng chuyển đổi của nó.

Trong giai đoạn tiếp theo, vấn đề đặt ra là phải hình thành được một đồng tiền chung, là việc tạo lập một đồng tiền quốc gia mới hoặc chuyển sang cùng sử dụng đồng tiền khác mạnh hơn của quốc gia có trình độ phát triển cao hơn trong số các nước tham gia liên minh (đồng tiền thay thế).

Việc gia nhập liên minh tiền tệ sẽ làm giảm tính tự chủ của các quốc gia trong việc thực hiện chính sách tài chính- tiền tệ. Khi chuyển sang sử dụng

đồng tiền chung, quốc gia này sẽ ngay lập tức đánh mất một số đòn bẩy quản lý nền kinh tế. *Trước hết*, quốc gia đó sẽ không còn khả năng thoát khỏi cơn khủng hoảng tiền tệ bằng con đường đơn phương giảm giá hoặc định giá lại đồng tiền quốc gia. Ví dụ, những vấn đề hiện tại về khoản bội chi ngân sách khổng lồ của Hi Lạp (khoảng trên 13% GDP vào năm 2010), đã có thể xử lý bằng việc hạ giá đồng nội tệ. Nhưng do Hi Lạp đã gia nhập EU nên điều đó là không thể thực hiện. Và như vậy, Hi Lạp không thể tránh khỏi việc phải thực hiện chính sách tiết kiệm ngân sách và những khoản vay nợ lớn từ các nước khác trong liên minh tiền tệ để có thể trang trải các khoản nợ quốc gia (vào khoảng 400 tỷ Euro, và mặc dù đã nhận được nhiều gói cứu trợ từ EU, theo dự báo, nợ của Hi Lạp năm 2013 vẫn sẽ lên mức khoảng 158% GDP). Để đảm bảo cho sự ổn định của đồng tiền Euro chung do tình hình nghiêm trọng ở Hi Lạp gây nên, các nước khác trong liên minh đã phải tìm kiếm các nguồn vốn để cho vay mà không thể tuân thủ chính sách ngân sách của quốc gia mình, việc mà họ cũng không mấy hứng thú.

*Thứ hai*, khi tham gia liên minh tiền tệ, quốc gia sẽ mất đi một phần hay hoàn toàn vị thế quyền lực của mình. Khi sử dụng đồng tiền quốc gia khác thay cho đồng nội tệ của mình, quốc gia tham gia vào liên minh tiền tệ này sẽ đồng

thời nhập khẩu luôn cả rủi ro ngoại hối của đồng tiền đó. Nhưng nếu như đồng ngoại tệ đó ổn định hơn đồng nội tệ thì điều đó lại mang lại lợi thế cho nước mình. Thực tế có thể xác định ra 2 nguyên nhân cơ bản gây nên việc phải chuyển sang sử dụng đồng tiền thay thế:

- Những doanh nghiệp có khoản Tài sản Có bằng đồng nội tệ, còn Tài sản Nợ lại bằng đồng tiền thay thế, do đó khi đồng nội tệ bị mất giá doanh nghiệp sẽ lâm vào cảnh mất khả năng thanh toán;

- Việc giữ nguyên và sử dụng đồng nội tệ sẽ bắt buộc luôn phải thực thi chính sách tiền tệ- tín dụng quốc gia của mình bất kể mọi tình trạng nền kinh tế trong nước, còn khi sử dụng đồng tiền thay thế thì quốc gia tham gia liên minh thực tế đã chuyển giao chức năng điều hành chính sách tiền tệ và nhập khẩu chính sách tài chính của quốc gia có đồng tiền được sử dụng làm đồng tiền thay thế.

Rõ ràng là liên minh tiền tệ tạo ra những lợi thế, nhưng cũng có cả những thiệt hại. Tuy nhiên việc từ chối gia nhập liên minh cũng có những ưu điểm. Quyết định của nước Anh trong việc gia nhập khu vực đồng tiền Euro là minh chứng cụ thể cho điều này.

Hậu quả của việc tham gia vào liên minh tiền tệ, về mặt dài hạn, có thể đánh giá trên nhiều mặt: Việc loại bỏ nhu cầu chuyển đổi ngoại hối trong nội bộ liên minh, không còn sự biến động tỷ giá khi chuyển đổi đồng nội tệ, giảm bớt các rủi ro



ngoại hối cũng như những đòn bẩy quản lý mà các cơ quan sử dụng để gây ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Việc không cần phải chuyển đổi đồng nội tệ sang loại ngoại tệ của các nước khác tham gia vào liên minh tiền tệ sẽ làm giúp giảm chi phí cho các doanh nghiệp có hoạt động ngoại thương với các nước khác trong liên minh, và như vậy cũng làm giảm lợi nhuận của ngân hàng. Khi không còn sự biến động về tỷ giá ngoại hối trong nội bộ các nước trong liên minh, thì khi tỷ giá đồng nội tệ có xu hướng giảm thấp xuống chắc chắn sẽ làm giảm thu nhập của nước xuất khẩu, khiến cho họ không có khoản thu nhập bổ sung do chênh lệch tỷ giá tạo ra. Các quốc gia với nền kinh tế định hướng xuất khẩu, do không còn chuyện bảo hộ tỷ giá đồng nội tệ, sẽ trở thành nền kinh tế mở cửa trước sự cạnh tranh của các công ty nước ngoài.

Việc giảm bớt rủi ro ngoại hối sẽ giúp hạ thấp chi phí. Còn việc cùng chuẩn hóa các điều kiện hoạt động của thị trường vốn, các biểu lãi suất của các nước trong liên minh tương đối ngang bằng và sát nhau hơn sẽ tạo được sức hút đầu tư trong nội khối. Và từ đó, mức tăng nhanh của hoạt động đầu tư sẽ giúp cho các ngân hàng bù đắp những tổn thất do việc không còn các hoạt động chuyển đổi ngoại tệ.

Đồng thời, các doanh nghiệp, công ty trong nước sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng

cao, đặc biệt khi quốc gia khác trong khối cũng có cơ cấu nền kinh tế tương tự. Trong trường hợp nếu các nhà sản xuất trong nước không sẵn sàng để tham gia vào cuộc cạnh tranh, thì nền kinh tế trong nước có nguy cơ đánh mất tiềm lực sản xuất, và như vậy sẽ mất đi cả tính tự chủ và sự ổn định của nền kinh tế nước mình, từ đó cũng sẽ tạo ra nguy cơ gây mất ổn định cho nền kinh tế các nước khác trong liên minh. Điều này cho thấy quá trình chuẩn bị để một quốc gia có thể có đủ điều kiện để hội nhập liên minh tiền tệ là rất quan trọng. Khi đó thái độ của các doanh nghiệp, công ty đối với việc đầu tư ra nước ngoài cũng sẽ thay đổi. Sự gia tăng tính cạnh tranh sẽ khiến cho các nhà sản xuất, các doanh nghiệp trong nước phải tìm kiếm những thị trường, những địa điểm, góc ngách đầu tư mới.

Việc tham gia liên minh tiền tệ cũng sẽ làm thay đổi khả năng điều chỉnh kinh tế vĩ mô. Trong hoàn cảnh nền kinh tế có sự mở cửa mạnh mẽ, với sự chuyển dịch tự do của các dòng vốn, việc có chung một chính sách lãi suất thì các công cụ điều chỉnh tài chính sẽ trở nên kém hiệu quả. Mặt khác, chính sách tài chính của chính phủ các quốc gia trong liên minh cũng bị giới hạn bởi phải tuân thủ những điều kiện nhất định để đảm bảo sự ổn định kinh tế cho cả khối, và sẽ không còn có sự bảo hộ trong khuôn khổ liên minh.

Cho đến nay, có thể nhận

**V**iệc chuyển giao các công cụ điều hành hoạt động ngoại hối vào tay các cơ quan quản lý siêu quốc gia sẽ khiến cho các thành viên tham gia liên minh mất đi khả năng tự thay đổi tỷ giá để có thể điều chỉnh cán cân thanh toán và nhờ đó tìm được lợi thế trong hoạt động ngoại thương với các nước khác trên thế giới. Chính phủ các nước thành viên trong liên minh sẽ phải tự tìm kiếm các công cụ mới để giải quyết vấn đề tăng trưởng kinh tế, vấn đề công ăn việc làm và phương thức thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Các công cụ đó có thể là việc tạo ra một chính sách tiền lương thống nhất, nâng cao tính năng động của dân chúng, sự linh động của các nguồn vốn và nhiều yếu tố khác.

định rằng, việc hình thành Liên minh Châu Âu (EU) và cùng với nó là Liên minh kinh tế tiền tệ châu Âu (EMU) là ví dụ thành công nhất của việc thành lập liên minh tiền tệ và sự hội nhập nói chung. Đó là một quá trình hội nhập toàn



diện nhất và có cơ sở kinh tế nhất. Bản thân việc xây dựng Liên minh EU đã kéo dài hơn 50 năm và hiện tại, EU là hình mẫu cổ điển của một công cuộc hội nhập có định hướng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của tất cả các nền kinh tế các nước tham gia liên minh. Ban đầu, việc hình thành EMU dự kiến sẽ thực hiện qua 3 giai đoạn. Ở giai đoạn đầu tiên đã thực hiện việc tự do hóa trong di chuyển nguồn vốn, hoàn chỉnh việc xây dựng một thị trường nội bộ chung và tiến hành các bước thích hợp để đưa các chỉ số kinh tế của các quốc gia trong khối lại gần ngang bằng với nhau hơn. Giai đoạn hai là giai đoạn thực hiện các bước có liên quan đến mặt tổ chức của Liên minh: Chuẩn bị các khuôn khổ về thể chế, pháp lý và nền tảng hành chính cho sự liên minh về tiền tệ. Bước thứ ba là bước hoàn chỉnh. Các nước trong liên minh sẽ chuyển sang cùng thực thi một chính sách kinh tế thống nhất, một chính sách tiền tệ- tín dụng chung và sử dụng chung một loại tiền tệ. Ban đầu, đồng tiền chung (đồng Euro) được sử dụng như là phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt trong điều kiện xác định chặt chẽ tỷ giá của đồng tiền mỗi nước so với đồng Euro. Và tới 12 năm sau khi thành lập EMU thì đồng Euro mới thực sự trở thành phương tiện thanh toán hợp pháp duy nhất trong lãnh thổ 17 quốc gia EU. Trong quá trình thành lập liên minh tiền tệ, đặc biệt là trong giai đoạn

đầu, Liên minh châu Âu đã gặp phải rất nhiều khó khăn do nhiều nước trong số đó chưa đạt được đầy đủ các tiêu chí đề ra cho các thành viên muốn tham gia EMU. Trong khoảng thời gian từ 1993- 1998, chính phủ các nước châu Âu đã phải vô cùng cố gắng, nỗ lực hết mình để có thể đạt được những điều kiện quy định, như việc phải hạn chế thâm hụt ngân sách ở mức 3%, tỷ lệ nợ quốc gia so với GDP không vượt quá 60%, cũng như nhiều chỉ số ổn định kinh tế khác. Ngoài ra, chính phủ các nước này còn phải giải quyết nhiều vấn đề khác, như phải hoàn thành các yêu cầu về mức lạm phát, biểu lãi suất các khoản cho vay dài hạn và biên độ dao động tỷ giá ngoại hối. Vì thế, ban đầu chỉ có 4 nước đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn quy định, đó là Đức, Pháp, Phần Lan và Luxembua.

Sự hội nhập tiền tệ của EU là một sự hoàn tất đầy tính logic của một quá trình phát triển nhiều năm và trong khuôn khổ EMU, tiền tệ và kinh tế- là các yếu tố cấu thành- luôn có sự liên quan và phụ thuộc lẫn nhau.

Việt Nam gia nhập khối ASEAN từ năm 1995, và từ đó đến nay đã rất tích cực tham gia vào quá trình hợp tác và hội nhập cùng các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), thường được so sánh với Liên minh châu Âu (EU) khi xét tới nỗ lực hội nhập kinh tế và chính

trị khu vực, đang tiếp tục với kế hoạch thiết lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2015.

Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 9, diễn ra tại Bali, In-đô-nê-xi-a tháng 10/2003, các nhà lãnh đạo các nước ASEAN đã thống nhất đưa ra mục tiêu trên. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) là một trong ba trụ cột chính, bên cạnh Cộng đồng An ninh-Chính trị, Cộng đồng Văn hóa-Xã hội, với AFTA- là nền tảng để ASEAN xây dựng cộng đồng kinh tế.

AEC được thiết lập dựa trên nhiều lĩnh vực khác nhau như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, chính sách cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, trong đó, thương mại hàng hóa là một nội dung xương sống. Đây là lĩnh vực truyền thống, là mục tiêu mà các nước ASEAN hướng tới trong suốt quá trình hợp tác. Do đó, ngay từ năm 1992, trước bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, Lãnh đạo 10 nước ASEAN đã thống nhất thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA). Đây chính là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng Cộng đồng kinh tế mà ASEAN đang hướng tới.

Mục tiêu chiến lược của Hiệp định AFTA là tăng cường năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của ASEAN, thúc đẩy hiệu quả kinh tế trong một thị trường và cơ sở sản xuất đơn nhất. Trên cơ sở đó, nội dung cơ bản của AFTA là Chương



trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) với ba vấn đề chủ yếu, không tách rời là cắt giảm thuế, loại bỏ các hàng rào phi thuế và hài hòa các thủ tục hải quan.

Nhưng theo đánh giá của Bộ phận dự báo, phân tích và tư vấn rủi ro (EIU) thuộc Economist Group (Anh) vừa đưa ra về kế hoạch thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN, thì rất có thể kế hoạch này sẽ không thực hiện được đúng thời hạn khi xét tới những thách thức về việc đạt được sự đồng thuận trong khối với các thành viên “không đồng nhất”, sự thống nhất về các quy định còn hạn chế và thiếu một chương trình chi tiêu chung kiểu EU để cải thiện các điều kiện xã hội, kinh tế tại các quốc gia nghèo trong khối. Hơn nữa, ngoài những trở ngại như hồ ngăn cách về mức độ phát triển kinh tế của các nước thành viên, sự đa dạng về hệ thống chính trị, văn hóa, ngôn ngữ, sự không đồng đều trong kết nối hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, cũng còn một số trở ngại đáng kể đối với việc hợp nhất các dịch vụ và giảm các hàng rào phi thuế quan, và ASEAN hiện vẫn không có một kế hoạch nào cho việc hợp nhất tiền tệ kiểu EU.

Thực tế đã cho thấy rằng, không phải mọi sự liên kết, hội nhập đều đưa lại hiệu quả và thành công để có thể tiến tới việc liên minh tiền tệ, một phần bởi một sự liên minh như vậy sẽ làm hạn chế khả năng điều chỉnh chính sách tài chính

của quốc gia bằng những biện pháp, công cụ đơn giản mà những nước không tham gia liên minh lại có thể sử dụng được. Bởi vậy nên đã có rất nhiều sáng kiến tổ chức các liên minh tiền tệ trong thời gian dài vẫn chỉ trong giai đoạn đàm phán. Trong trường hợp này, cần phải xác định rõ mục tiêu chính của việc liên kết, bởi thực tế có nhiều nước ở châu Á, châu Phi và các nước thuộc khối Liên Xô cũ tuy có tham gia vào quá trình này, nhưng có nhiều tổ hợp, tập đoàn liên kết quốc tế đã tỏ ra thiếu hiệu quả. Và nếu như việc liên minh không dựa vào nền tảng cơ sở là kinh tế và đòi hỏi phải bỏ ra quá nhiều chi phí và phải thực hiện quá nhiều sự thay đổi, thì có lẽ thuận tiện hơn là nên nghĩ đến tìm những phương thức hội nhập khác có lợi hơn để phát triển. Bởi vì việc gia nhập liên minh tiền tệ đòi hỏi sự nỗ lực cao của từng quốc gia để hoàn thiện các hệ thống kinh tế, trong đó đảm bảo cho hầu hết các thành phần, cơ cấu của nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên và các đòn bẩy quản lý kinh tế của nhà nước. Mặt khác, sự liên kết, hội nhập nên bắt đầu từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, như trước hết nên bắt đầu từ việc tạo sự liên minh về thuế quan, xây dựng các thị trường chung. Và để có thể tiến lên một hình thức hợp tác, hội nhập cao hơn, thì những hình thức hợp tác, hội nhập hiện tại phải đáp ứng được các yêu cầu

hiệu quả trong hoạt động.

### Tài liệu tham khảo

1. Shiskop Iu. B. *Khu vực hóa và toàn cầu hóa kinh tế thế giới- một sự thay thế hay bổ sung*, Tạp chí Quan hệ đối ngoại số 8/2010 (tiếng Nga).
  2. Shiskop Iu. B. (2011), *Các quá trình hội nhập trước ngưỡng cửa thế kỷ XXI: Vì sao các nước Liên Xô cũ lại không mấy quan tâm* (tiếng Nga).
  3. *Debt Crisis [Electronic resource] // Economy of Greece. Wikipedia, the free encyclopedia* (2010-2011).
  4. Zevin L. *Chủ nghĩa toàn cầu và chủ nghĩa khu vực trong bối cảnh phát triển kinh tế*, Tạp chí Quan hệ đối ngoại số 6/2012 (tiếng Nga).
- 
- tiếp theo trang 66
- and Anette Mikes, *Harvard Business Review*, tạp chí tháng 07/2012.
7. Theo “Giới thiệu phương pháp đầu tư chỉ số value weighted,” *Working Paper*, Vũ Đức Nghĩa, Huỳnh Minh Quang, Nguyễn Thị Lan Anh, Võ Lê Nam.
  8. Trích dẫn “Sacombank- SBS hướng tham vọng ra Đông Dương” của Tường Minh và Cát Trí, *Sài Gòn giải phóng Online*, ngày 12/07/2010
  9. Theo “Báo cáo tài chính quý 3/2012 hợp nhất” của Sacombank-SBS đăng tải trên website của Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ngày 16/11/2012.
  10. “Một số giải pháp quản trị rủi ro và nợ xấu của ngân hàng,” *Working Paper*, Vũ Đức Nghĩa, Võ Lê Nam, Nguyễn Thị Lan Anh, Huỳnh Minh Quang.
  11. “Securities Finance: Securities Lending and Repurchase Agreements”, Frank J. Fabozzi, Steven V. Mann, Wiley, 2005.